

Phần I: kiến thức trọng tâm

Phần số học:

- + Khái niệm phân số, cách viết và đọc phân số, hai phân số bằng nhau.
- + Tính chất cơ bản của phân số
- + So sánh phân số
- + Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số.
- + Giá trị phân số của một số
- + Hỗn số, số thập phân, các phép tính với số thập phân
- + Tỉ số, tỉ số phần trăm, các bài toán về tỉ số phần trăm.

Phần hình học:

- + Hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng
- + Ứng dụng trong cuộc sống của tính đối xứng.
- + Điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng, đường thẳng song song và cắt nhau.
- + Trung điểm đoạn thẳng
- + Góc và các loại góc đặc biệt.

Phần xác suất thống kê

- + Phép thử nghiệm – sự kiện
- + Xác suất thực nghiệm

Phần II: một số dạng bài tập

A. TRẮC NGHIỆM:

Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Khoanh tròn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng duy nhất

Câu 1: Kết quả đúng của thương $\frac{-1}{5} : \frac{-2}{5}$ là

- A. $\frac{2}{25}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{-1}{2}$ D. $\frac{-2}{25}$.

Câu 2: Phân số nào sau đây không tối giản?

- A. $\frac{1}{5}$. B. $\frac{1}{4}$. C. $\frac{3}{6}$. D. $\frac{2}{5}$.

Câu 3: Số thập phân sau: 0,32 được đổi ra phân số thập phân là:

- A. $\frac{32}{100}$. B. $\frac{32}{10}$. C. $\frac{32}{1000}$. D. $\frac{23}{100}$.

Câu 4: Thực hiện phép tính sau: $\frac{-2}{15} + \frac{4}{15}$. Kết quả là:

- A. $\frac{1}{15}$. B. $\frac{2}{15}$. C. $\frac{-1}{15}$. D. $-\frac{2}{15}$.

Câu 5: $\frac{1}{4}$ của 36 là:

- A. 9 B. 10 C. 20 D. 144

Câu 6: $\frac{6}{5}$ của 75m là:

- A. 80m B. 85m C. 90m D. 95m

Câu 7. Số đối của $\frac{7}{3}$ là:

- A. $\frac{-3}{7}$ B. $2\frac{1}{3}$ C. $\frac{3}{-2}$ D. $\frac{-7}{3}$

Câu 8. Cho biết $\frac{4}{-5} = \frac{x}{10}$. Số x thích hợp là :

- A. $x = -10$ B. $x = -8$ C. $x = 10$ D. $x = 8$

Câu 9 : Số đối của $\frac{-1}{3}$ là:

- A. 3. B. $\frac{1}{-3}$. C. -3. D. $\frac{1}{3}$.

Câu 10 : Kết quả của phép tính $\frac{2}{5} - \frac{14}{5}$ là:

- A. $\frac{-12}{5}$. B. $\frac{1}{-3}$. C. -3. D. $\frac{1}{3}$.

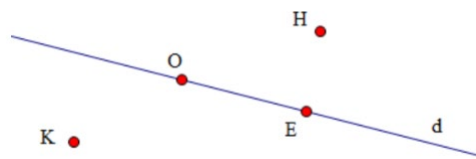
Câu 11: Kết quả rút gọn phân số $\frac{-12}{27}$ là:

- A. $\frac{2}{7}$. B. $\frac{-4}{9}$. C. $\frac{4}{9}$. D. $\frac{9}{4}$

Câu 12: Kết quả của phép tính $\frac{2}{11} + \left(\frac{-5}{11} - \frac{9}{11} \right)$ là:

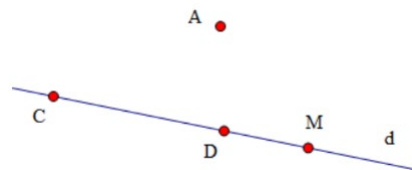
- A. $\frac{-12}{11}$. B. $\frac{12}{11}$. C. $\frac{13}{11}$. D. $\frac{-13}{11}$.

Câu 13: Trong hình vẽ dưới đây, đường thẳng d đi qua những điểm nào?



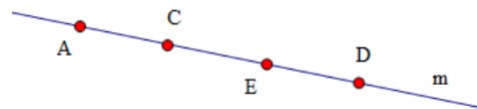
- A. K, O . B. K, H . C. O, E . D. E, H .

Câu 14: Trong hình vẽ dưới đây, kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng?



- A. A, M, D . B. C, M, A . C. A, C, D . D. C, D, M .

Câu 15: Trong hình vẽ dưới đây, điểm nào nằm giữa hai điểm C và D ?



- A. A . B. C . C. E . D. D .

Câu 16: Kết quả của phép tính $\frac{3}{2} + \frac{-5}{13} + \frac{1}{2} + \frac{-8}{13}$ là:

- A. 1 B. -1 C. 2 D. -3

Câu 17: Với x bằng bao nhiêu thì $\frac{-17}{5} - x = \frac{3}{5}$?

- A. -3 B. 2 C. 3 D. -4

Câu 18: Phân số nào là phân số thập phân:

A. $\frac{7}{100}$

B. $\frac{100}{7}$

C. $\frac{-15}{1100}$

D. $\frac{3}{2}$

Câu 19: Có bốn máy gặt đã gặt hết lúa trên một cánh đồng. Trong đó máy thứ nhất gặt được $\frac{4}{15}$ cánh đồng, máy thứ hai gặt được $\frac{1}{6}$ cánh đồng và máy thứ ba gặt được $\frac{2}{5}$ cánh đồng. Viết phân số biểu diễn phần cánh đồng máy thứ tư đã gặt?

A. $\frac{5}{6}$

B. $\frac{1}{3}$

C. $\frac{1}{6}$

D. $\frac{2}{3}$

Câu 20: Một hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{17}{4}m$ và chiều rộng là $\frac{7}{2}m$ thì có diện tích là bao nhiêu?

A. $\frac{31}{4}m^2$

B. $\frac{31}{2}m^2$

C. $\frac{119}{8}m^2$

D. $\frac{119}{8}m$

Câu 21: Kết quả của phép nhân $\frac{1}{12} \cdot \frac{8}{-9}$ là:

A. $\frac{-2}{27}$

B. $\frac{-4}{9}$

C. $\frac{-1}{18}$

D. $\frac{-3}{2}$

Câu 22: Chọn phát biểu đúng :

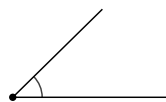
A. Góc có số đo 120° là góc vuông.

B. Góc có số đo 80° là góc tù .

C. Góc có số đo 100° là góc nhọn .

D. Góc có số đo 170° là góc tù.

Câu 23. Trong hình vẽ, góc tù được biểu diễn bởi:



a)



b)



c)



d)

A. Hình a);

B. Hình b);

C. Hình c);

D. Hình d).

Câu 24. Cho hình 2, chọn khẳng định Sai.

A. Đường thẳng m đi qua điểm A .

B. Đường thẳng n không đi qua điểm A .

C. Đường thẳng n đi qua điểm B.

D. Đường thẳng m đi qua điểm A,B,C .

Câu 25: Tập hợp các kết quả có thể xảy ra của phép thử nghiệm tung một đồng xu là

A. $X = \{N, S\}$

B. $X = \{N\}$

C. $X = \{S\}$

D. $X = \{NN, S\}$

Câu 26: Hãy viết tập hợp các kết quả có thể xảy ra khi gieo một con xúc xắc 6 mặt

A. 1; 2; 3; 4; 5; 6

B. $Y = 6$

C. 6

D. $Y = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

Câu 27: Trong hộp có 10 lá thư có bì thư giống nhau, bên trong mỗi bì thư có 1 mảnh giấy và được đánh số từ 1 đến 10. Mỗi bạn lấy ngẫu nhiên một bì thư, xem số ghi trên lá thư rồi trả lại vào bì và cho vào hộp. Tập hợp tất cả các kết quả có thể xảy ra là:

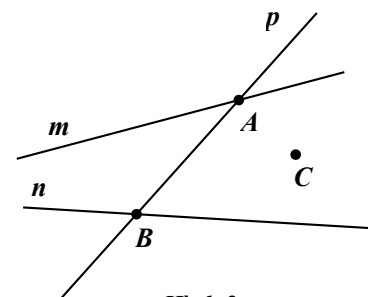
A. $A = \{1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10\}$

B. $A = \{10\}$

C. 10

D. 1

Câu 28: Trong một hộp có 1 quả bóng xanh và 9 bóng vàng có kích thước giống nhau. An lấy ra đồng thời 2 bóng từ hộp, hỏi có tất cả bao nhiêu kết quả có thể xảy ra?



Hình 2

A.1

B.2

C.3

D.4

Câu 29: Tung hai đồng xu cân đối 50 lần ta được kết quả như sau:

Sự kiện	Hai đồng sấp	Một đồng sấp, một đồng ngửa	Hai đồng ngửa
Số lần	22	20	8

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Có một đồng xu sấp, một đồng xu ngửa” là

A.0,2

B.0,4

C.0,44

D.0,16

Câu 30: Tung hai đồng xu cân đối 50 lần ta được kết quả như sau:

Sự kiện	Hai đồng sấp	Một đồng sấp, một đồng ngửa	Hai đồng ngửa
Số lần	22	20	8

Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Hai đồng xu đều sấp”

A.0,22

B.0,4

C.0,44

D.0,16

Câu 31: Gieo một con xúc xắc 6 mặt 50 lần ta được kết quả như sau:

Mặt	1 chấm	2 chấm	3 chấm	4 chấm	5 chấm	6 chấm
Số lần	8	7	3	12	10	10

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt có số lẻ chấm trong 50 lần gieo trên.

A.0,21

B.0,44

C.0,42

D.0,18

Câu 32: Hằng ngày Sơn đều đi xe buýt đến trường. Sơn ghi lại thời gian chờ xe của mình trong 20 lần liên tiếp ở bảng sau:

Thời gian chờ	Dưới 2 phút	Từ 2 phút đến dưới 5 phút	Từ 5 phút đến dưới 10 phút	Từ 10 phút trở lên
Số lần				

Hãy tính xác suất thực nghiệm của sự kiện “Sơn phải chờ xe dưới 2 phút”

A.0,2

B.5

C.0,5

D.0,25

Câu 33: Trong hộp có một số bút xanh, một số bút vàng và một số bút đỏ. lấy ngẫu nhiên 1 bút từ hộp, xem màu gì rồi trả lại. Lặp lại hoạt động trên 40 lần ta được kết quả như sau:

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được màu đỏ

Màu bút	Bút xanh	Bút vàng	Bút đỏ
Số lần	14	10	16

A.0,16

B.0,6

C.0,4

D.0,45

Câu 34: Trong hộp có một số bút xanh, một số bút vàng và một số bút đỏ. lấy ngẫu nhiên 1 bút từ hộp, xem màu gì rồi trả lại. Lặp lại hoạt động trên 40 lần ta được kết quả như sau:

Màu bút	Bút xanh	Bút vàng	Bút đỏ
---------	----------	----------	--------

Số lần	14	10	16
--------	----	----	----

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện không lấy được màu vàng

A.0,25

B.0,75

C.0,1

D.0,9

Phần 2. Câu trắc nghiệm đúng sai

Hãy điền **Đ** (đúng) hoặc **S** (sai) vào ô vuông

Câu 1. Hình thang có tâm đối xứng là giao điểm của hai đường chéo.	☐
Câu 2. Góc $\widehat{MON}$ có cạnh là hai tia MO, NO .	☐
Câu 3. Góc tù là góc có số đo lớn hơn 90° và nhỏ hơn 180° .	☐
Câu 4. Hình tròn có vô số trục đối xứng.	☐
Câu 5. Làm tròn số 23,537 đến hàng phần mười được kết quả 23,5	☐
Câu 6. Cho hình vẽ bên dưới. Có 4 điểm trong số các điểm đã cho nằm trên đường thẳng a. 	☐
Câu 7. Ba điểm H, I, K thẳng hàng thì đường thẳng HK không đi qua điểm I	☐
Câu 8. Cho 7 điểm trong đó không có 3 điểm nào thẳng hàng. Qua 2 điểm vẽ 1 đường thẳng. Số đường thẳng vẽ được là 21 đường	☐
Câu 9. Hai đường thẳng phân biệt thì có 1 điểm chung hoặc không có điểm chung nào.	☐
Câu 10. Cho hình vẽ bên dưới, điểm A và B nằm khác phía đối với điểm C 	☐
Câu 11. Trong vườn có 15 cây cam và 35 cây chanh. Tỉ số phần trăm số cây chanh so với số cây trong vườn là 43%.	☐
Câu 12. Cho $a = 15$; $b = 20$. Tỉ số của hai số a và b là $\frac{3}{4}$	☐
Câu 13. Giá trị nào dưới đây của x thỏa mãn: $\left(\frac{-3}{5}\right) \cdot x = \frac{4}{15}$ là $\frac{-4}{3}$	☐
Câu 14. Một đội y tế có 42 người gồm cả bác sĩ và y tá. Số bác sĩ bằng $\frac{2}{7}$ tổng số người. đội có số y tá là 12 người.	☐

Phần 3. Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 1. Cho đoạn thẳng $AB = 2 \text{ cm}$ và M là trung điểm của đoạn thẳng AB . Độ dài đoạn thẳng AM là

Trả lời:

Câu 2. Cho đoạn thẳng AB và M là trung điểm của đoạn thẳng AB , biết $MB = 2 \text{ cm}$. Độ dài đoạn thẳng AB là:

Trả lời:

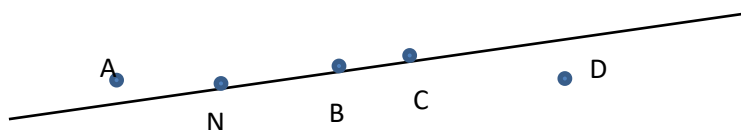
Câu 3. Một lớp học có 32 em, trong đó có 12 em học giỏi toán. Hãy tìm tỉ số phần trăm học sinh giỏi toán so với sĩ số của lớp?

Trả lời:

Câu 4. Một cái xe đạp giá 8 500 000 đồng, nay hạ giá 15%. Hỏi giá cái xe đạp bây giờ là bao nhiêu?

Trả lời:

Câu 5. Tên ba điểm thẳng hàng trong hình vẽ sau.



Trả lời:

Câu 6. Cho 7 điểm trong đó không có 3 điểm nào cùng nằm trên một đường thẳng. Qua 2 điểm kẻ được đường thẳng. Tính số đường thẳng được tạo thành.

Trả lời:

B. TỰ LUẬN

I. SỐ HỌC

Bài 2: So sánh các phân số, hỗn số sau:

a) $\frac{-5}{17}$ và $\frac{2}{7}$

b) $\frac{6}{7}$ và $\frac{11}{10}$

c) $\frac{-3}{4}$ và $\frac{4}{-5}$

d) $3\frac{2}{7}$ và $3\frac{5}{7}$

Bài 3: Tính

a) $\frac{-2}{3} + \frac{5}{12}$

b) $\frac{-2}{9} - \frac{5}{12}$

c) $-1\frac{1}{4} - 2\frac{1}{4}$

d) $2,25 - \frac{-6}{25}$

e) $\frac{5}{6} : \frac{-7}{12}$

f) $\frac{-21}{24} : \frac{-14}{8}$

g) $\frac{5}{12} - \frac{-7}{6}$

h) $\frac{-15}{16} \cdot \frac{8}{-25}$

Bài 4: Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $\left(\frac{1}{8} + \frac{-3}{4}\right) : \frac{5}{6} + \frac{1}{2}$

b) $\frac{1}{2} + \frac{3}{4} - \left(\frac{3}{4} - \frac{4}{5}\right)$

c) $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-4}{9} + \frac{5}{6}\right)$

d) $\left(\frac{7}{8} - \frac{3}{4}\right) \cdot 1\frac{1}{3} - \frac{2}{3} \cdot 0,5$

e) $\left(2 + \frac{5}{6}\right) : 1\frac{1}{5} + \frac{-7}{12}$

f) $75\% - 1\frac{1}{2} + 0,5 : \frac{5}{12}$

g) $\frac{-2}{3} + 1,2 \cdot 1\frac{1}{2}$

Bài 5: Tính nhanh

a) $\frac{-5}{11} + \left(\frac{-6}{11} + 1\right)$

b) $\frac{2}{3} + \left(\frac{5}{7} + \frac{-2}{3}\right)$

c) $\left(\frac{-1}{4} + \frac{5}{8}\right) + \frac{-3}{8}$

d) $\frac{3}{4} \cdot \frac{7}{25} + \frac{3}{4} \cdot \frac{18}{25}$

e) $\frac{7}{5} \cdot \frac{8}{19} + \frac{7}{5} \cdot \frac{12}{19} - \frac{7}{5} \cdot \frac{1}{19}$

f) $\frac{-3}{5} \cdot \frac{5}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{3}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{6}{7}$

g) $10\frac{2}{9} + \left(2\frac{2}{5} - 7\frac{2}{9}\right)$

h) $6\frac{3}{10} - \left(3\frac{4}{7} + 2\frac{3}{10}\right)$

i) $\left(7\frac{4}{9} + 4\frac{7}{11}\right) - 3\frac{4}{9}$

Bài 6: Tìm x, biết:

a) $\frac{x}{7} = \frac{6}{21}$

b) $x \cdot \frac{3}{4} = \frac{11}{4}$

c) $\frac{18}{15} + x = \frac{4}{15}$

d) $\frac{2}{3} : x + \frac{5}{2} = 4\frac{1}{2}$

e) $x : \frac{8}{11} = \frac{11}{3}$

f) $\frac{2}{3}x + \frac{1}{4}x = \frac{-22}{27}$

Bài 7: Tính

a) $\frac{5}{4}$ của 28

b) $\frac{3}{8}$ của 3,6 tấn

c) 0,6 của $1\frac{2}{5}m^2$

d) 260% của 25kg

e) 47% của 20

f) 12,5% của 50m

Bài 8: Tìm tỉ số giữa hai số a và b, biết:

a) $a = 12kg$ và $b = 18kg$

b) $a = 1,25$ và $b = \frac{15}{16}$

c) $a = 0,75dm^2$ và $b = 1,25cm^2$

c) $a = \frac{3}{5}$ (giờ) ; $b = 20$ (phút)

d) $a = \frac{3}{5}dm^3$; $b = 20$ (lít)

Bài 9: Tính tỉ số phần trăm của hai số a và b, biết:

a) 15 và 40

c) 3 và 12

b) 11 và 22

d) 24 kg và 3 tạ.

Bài 10: Tính giá trị của các biểu thức sau (thực hiện nhanh nếu có thể):

a) $(-35,8) + (-17,2) + 16,4 + 4,6$

b) $(5,3 - 2,8) - (4 + 5,3)$

c) $(34,72 + 32,28) : 5 - (57,25 - 36,05) : 2$

d) $2,5 \cdot (-4,68) + 2,5 \cdot (-5,32)$

e) $5,36 \cdot 12,34 + (-5,36) \cdot 2,34$

Bài 11: Một lớp có 40 học sinh xếp loại học lực gồm ba loại: Tốt, Khá, Đạt. Số học sinh Tốt chiếm $\frac{1}{5}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh đạt bằng $\frac{3}{8}$ số học sinh còn lại.

a) Tính số học sinh mỗi loại.

b) Tính tỉ số phần trăm số học sinh Khá so với cả lớp.

Bài 12: Bài kiểm tra Toán của lớp 6A sau khi chấm xong được xếp thành 3 loại: số bài loại Tốt chiếm $\frac{3}{8}$ tổng số bài, số bài loại khá bằng $\frac{2}{5}$ tổng số bài. Số bài loại Đạt chiếm 9 bài.

a) Tính tổng số bài kiểm tra của lớp 6A ?

b) Tính tỉ số phần trăm của số bài loại giỏi so với tổng số bài của lớp ?

Bài 13: Một hình chữ nhật có chiều dài bằng 30m, chiều rộng bằng 75% chiều dài. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 14: Khu vườn nhà ông Năm trồng 250 cây ăn trái gồm ba loại: xoài, cam và nhãn. Trong đó số cây xoài chiếm 20% tổng số cây của vườn và số cây cam bằng $\frac{3}{5}$ số cây xoài.

a) Tính số cây mỗi loại có trong khu vườn.

b) Tính tỉ số phần trăm số cây cam so với tổng số cây trong khu vườn.

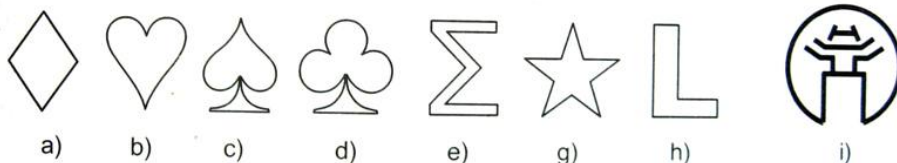
Bài 15: Một cửa hàng nhập về 100 cái áo với giá gốc mỗi cái là 250 000 đồng. Cửa hàng đã bán 60 cái áo với giá mỗi cái lãi 25% so với giá gốc; 40 cái còn lại bán lỗ 5% so với giá gốc. Hỏi sau khi bán hết 100 cái áo cửa hàng đó lãi hay lỗ bao nhiêu tiền?

Bài 16 Cô Hà mua 80 cái quần với giá mua một cái quần là 250 000 đồng. Lúc đầu cô bán 40 cái quần so với giá mua cô lãi được 20%, sau đó cô bán 40 cái quần còn lại so với giá cô mua lỗ 5%. Hỏi khi bán hết 80 cái quần, cô Hà lời hay lỗ bao nhiêu tiền?

II. HÌNH HỌC

Bài 1: Hãy vẽ trục đối xứng, tâm đối xứng của các hình sau (nếu có) : hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác đều, hình bình hành, hình thoi, hình thang cân

Bài 2. Trong các hình dưới đây hình nào có trục đối xứng. Vẽ trục đối xứng của hình đó.

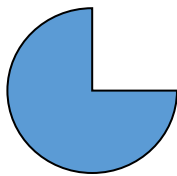


Bài 3:

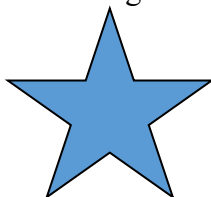
Trong các hình dưới đây hình nào có tâm đối xứng:



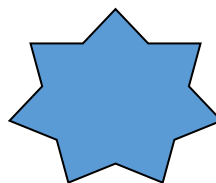
Hình 1



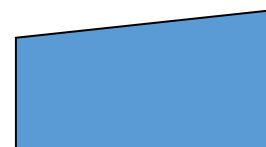
Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5

Bài 4: Vẽ đường thẳng a

- Vẽ điểm M không nằm trên đường thẳng a. Viết kí hiệu
- Vẽ điểm N nằm trên đường thẳng a. Viết kí hiệu.

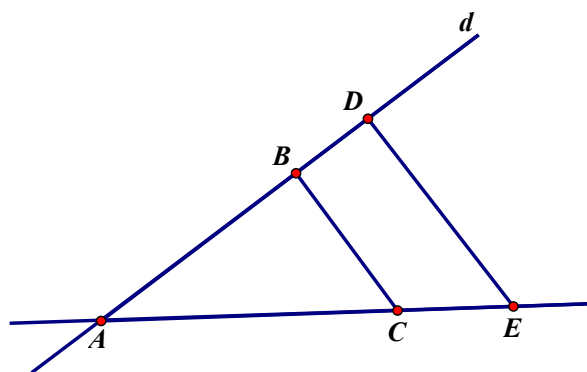
Bài 5. Dựa vào vẽ và gọi tên:

- Tất cả bộ ba điểm thẳng hàng.
- Bốn bộ ba điểm không thẳng hàng.

Bài 6. Cho hình vẽ và trả lời các câu hỏi.

- Đường thẳng m cắt những đoạn thẳng nào?
- Đường thẳng m không cắt đoạn thẳng nào?

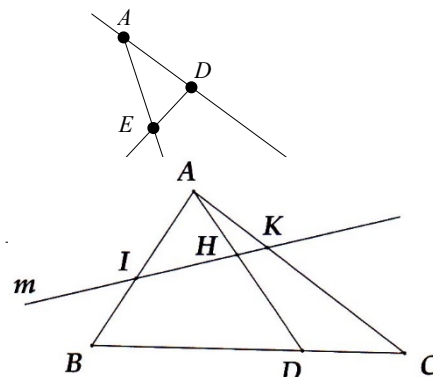
Bài 7 Cho hình vẽ sau:



- Ba điểm nào thẳng hàng? Ba điểm nào không thẳng hàng?
- Điểm nào thuộc đường thẳng d? Điểm nào không thuộc đường thẳng d?
- Viết các tia gốc C. Viết các đoạn thẳng có trong hình.
- Đo và cho biết số đo của góc BAC. Góc ABC là góc vuông, góc nhọn, góc tù hay góc bẹt?

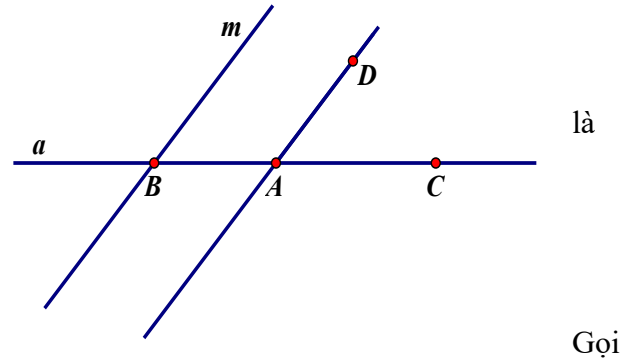
Bài 8

- Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài bằng 8cm. Vẽ điểm P là trung điểm của đoạn thẳng MN. Tính độ dài đoạn thẳng PN.
- Cho đoạn thẳng EF. Gọi A và B lần lượt là trung điểm của các đoạn thẳng EF và EA. Chứng tỏ $EF = 4EB$.



Bài 9: Cho hình vẽ

- Điểm nào thuộc đường thẳng m ? Ba điểm nào thẳng hàng?
- Đường thẳng nào cắt đường thẳng AD ? Đường thẳng nào song song với đường thẳng AD ?
- Viết các tia gốc C .
- Đo và cho biết số đo của góc DAC . Góc DAC góc vuông, góc nhọn, góc tù hay góc bẹt?



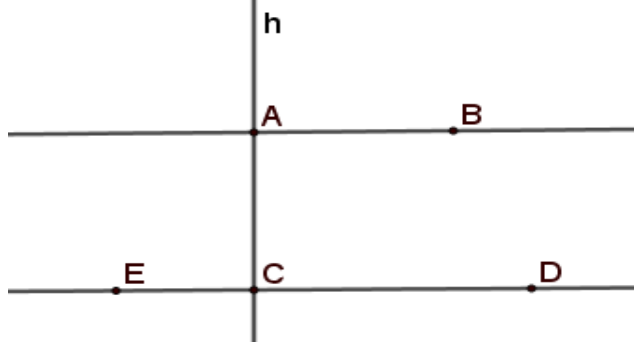
Bài 10

- Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài bằng 4cm. Vẽ điểm K là trung điểm của đoạn thẳng MN . Tính độ dài đoạn thẳng NK .

- Cho M là trung điểm của đoạn thẳng AB .

C là điểm nằm giữa M và B . Chứng tỏ rằng $CM = \frac{CA - CB}{2}$

Bài 11 Cho hình vẽ



- Viết tên các điểm thuộc đường thẳng h ? Ba điểm nào thẳng hàng?
- Đường thẳng nào cắt đường thẳng AB ? Đường thẳng nào song song với đường thẳng AB ?
- Viết các tia gốc C .
- Đo và cho biết số đo của góc ACD . Góc ACD là góc vuông, góc nhọn, góc tù hay góc bẹt?

Bài 12

- Vẽ đoạn thẳng CD có độ dài bằng 4cm. Vẽ điểm E là trung điểm của đoạn thẳng CD . Tính độ dài đoạn thẳng EC .

- Cho đoạn thẳng MN . Gọi H và K lần lượt là trung điểm của các đoạn thẳng MN và MH . Chứng minh $MK = \frac{1}{4}MN$.

ĐỀ MINH HỌA TOÁN 6 CUỐI HK 2 (năm học 2024-2025)

A. TRẮC NGHIỆM.

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1: Viết phân số $\frac{131}{1000}$ dưới dạng số thập phân ta được

- A. 0,131. B. 0,0131. C. 1,31. D. 0,1331.

Câu 2: Phân số $\frac{16}{3}$ viết dưới dạng hỗn số có dạng

- A. $3\frac{1}{5}$. B. $1\frac{2}{5}$. C. $5\frac{1}{5}$. D. $5\frac{1}{3}$.

Câu 3. Làm tròn số 24,137 đến hàng phần mười (chữ số thập phân thứ nhất) ta được kết quả là

- A. 24,1. B. 24,2. C. 24. D. 24,14.

Câu 4. Hỗn số $7\frac{3}{11}$ được viết dưới dạng phân số là

A. $\frac{77}{14}$.

B. $\frac{21}{11}$.

C. $\frac{10}{11}$.

D. $\frac{80}{11}$.

Câu 5: Kết quả của phép chia $\frac{-8}{6} : \left(-\frac{16}{3}\right)$ là

A. $\frac{1}{4}$

B. $\frac{1}{2}$

C. -1

D. $-\frac{1}{2}$

Câu 6: Giá trị $\frac{2}{3}$ của 24 là :

A. 16

B. 36

C. $24\frac{2}{3}$

D. $24:\frac{2}{3}$

Câu 7: Điểm M không thuộc đường thẳng d được kí hiệu là

A. $M \in d$.

B. $M \notin d$.

C. $M \not\subset d$.

D. $d \in M$.

Câu 8: Khẳng định nào sau đây sai?

A. Góc vuông là góc có số đo bằng 90° .

B. Góc có số đo lớn hơn 0° và nhỏ hơn 90° là góc nhọn.

C. Góc có số đo nhỏ hơn 180° là góc tù.

D. Góc có số đo bằng 180° là góc bẹt.

Câu 9: Cho phép thử nghiệm gieo con xúc xắc 6 mặt. Sự kiện nào trong các sự kiện sau có thể xảy ra:

A. “Số chấm nhỏ hơn 5”

B. “Số chấm lớn hơn 6”

C. “Số chấm bằng 0”

D. “Số chấm bằng 7”

Câu 10: Hãy viết tập hợp các kết quả có thể xảy ra khi gieo một con xúc xắc 6 mặt

A. 1; 2; 3; 4; 5; 6

B. $Y = 6$

C. 6

D. $Y = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$

Câu 11: Cho hình vẽ sau:

Chọn khẳng định sai trong các khẳng định dưới đây.

A. Điểm A nằm trên đường thẳng d .

B. Điểm B nằm trên đường thẳng b .

C. Điểm B không thuộc đường thẳng d .

D. d

chứa A và không chứa B .

Câu 12: Hình nào dưới đây có trục đối xứng?



a)



b)



c)



d)

A. Hình a), Hình b), Hình c)

B. Hình a), Hình c), Hình d)

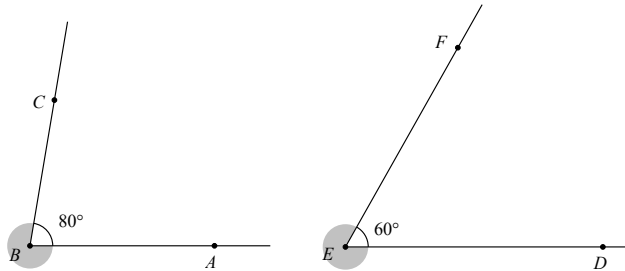
C. Hình b), Hình c), Hình d)

D. Hình a) và Hình c)

Phần 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Hãy điền chữ **Đ** (đúng) hoặc chữ **S** (sai) vào ô vuông trong giấy bài của mỗi câu sau

Câu 13. Số x thỏa mãn $x - \frac{1}{6} = \frac{7}{12}$ là : $\frac{3}{4}$	☐
Câu 14. Kết quả của phép tính $-10,15 + 8,62$ là : $-1,54$	☐
Câu 15. Nếu một quyển sách có 80 trang, thì $\frac{7}{10}$ của quyển sách đó là 56 trang	☐

Câu 16. Làm tròn số 124,137 đến hàng đơn vị ta được kết quả là : 125	☐
Câu 17. Trong 3 điểm thẳng hàng, luôn có 1 điểm nằm giữa hai điểm còn lại.	☐
Câu 18. Hai tia chung gốc thì luôn là hai tia đối nhau.	☐
Câu 19. Góc vuông là góc lớn nhất.	☐
Câu 20. Cho hình vẽ . Ta thấy : $\widehat{ABC} < \widehat{DEF}$ 	☐

Phần 3. (2,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 21: Hằng ngày Sơn đều đi xe buýt đến trường. Sơn ghi lại thời gian chờ xe của mình trong 20 lần liên tiếp ở bảng sau:

Thời gian chờ	Dưới 2 phút	Từ 2 phút đến dưới 5 phút	Từ 5 phút đến dưới 10 phút	Từ 10 phút trở lên
Số lần				

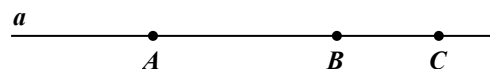
Xác suất thực nghiệm của sự kiện “Sơn phải chờ xe dưới 2 phút” là bao nhiêu?

Câu 22. Tìm giá trị của x , biết: $\frac{-2}{5} + \frac{4}{5}x = \frac{3}{5}$.

Câu 23. Cho hình vẽ bên dưới. Có bao nhiêu điểm trong số các điểm đã cho nằm trên đường thẳng a ?

$\bullet D$

Câu 24.



Đoạn thẳng MN dài 10 cm. Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng MN. Khi đó, đoạn thẳng MI dài:

A. 5 cm

B. 5 dm

C. 2,5 cm

D. 2,5 dm

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1: (1,0 điểm) Thực hiện phép tính(tính nhanh nếu có thể)

a) $\frac{-5}{9} + \frac{-4}{9}$

b) $(-2,45) \cdot 2,6 + 2,6 \cdot (-7,55)$

Bài 2: (1,0 điểm)

a) Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài bằng 8cm. Vẽ điểm P là trung điểm của đoạn thẳng MN. Tính độ dài đoạn thẳng PN.

b) Cho đoạn thẳng EF. Gọi A và B lần lượt là trung điểm của các đoạn thẳng EF và EA. Chứng tỏ $EF = 4EB$.

Bài 3 (1,0 điểm).

Lớp 6B có 48 học sinh. Số học sinh giỏi bằng $\frac{1}{6}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng 25% số học sinh cả lớp, còn lại là học sinh khá.

a) Tính số học sinh khá của lớp.

b) Tính tỉ số phần trăm số học sinh trung bình so với số học sinh lớp 6B.

Bài 4 (0,5 đ): Gia đình bạn Ngọc gồm 2 người lớn và 1 trẻ em đi công viên nước. Giá vé người lớn là 170 000 đồng được giảm giá 5%, giá vé trẻ em là 130 000 đồng được giảm giá 10%. Hỏi gia đình bạn Ngọc phải trả hết bao nhiêu tiền?

-----Hết -----

Xem thêm: **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP TOÁN 6**
<https://thcs.toanmath.com/de-cuong-on-tap-toan-6>